TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **18**/2019/DS–PT
Ngày 18 – 02 – 2019
V/v tranh chấp "Đòi tài sản và Hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 189/2018/TLPT - DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Đòi tài sản và Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 289/2018/QĐPT - DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1948 (Có mặt).

1.2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1955 (Có mặt).

Nơi cư trú: tổ 9, ấp Phú B, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Công M, sinh năm 1973 (ông Lý Công M, sinh năm 1971).

2.2. Chị Phùng Thị Thanh T, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: tổ 9, ấp Phú B, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phùng Thanh H sinh năm 1969, nơi cư trú: Ấp Đông S, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 10/01/2019 (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị P là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Lương Văn Đ và bà Trần Thị P trình bày:

Vào năm 2009 bà Trần Thị P có hỏi vay của vợ chồng ông Lê Công M và bà Phùng Thị Thanh T số tiền 8.000.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm bà P thừa nhận có vay của ông M, bà T 02 lần với số tiền 40.000.000đ theo Biên nhận ngày 03/11AL/2010 do bà ký tên của bà và ký tên ông Đ, lãi suất 5%/tháng. Khi vay có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03050/fH ngày 12/5/1994 cấp cho ông Đ với diện tích 2.385m^2, loại đất ở, tọa lạc tại ấp Phú Bình, xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang và việc vay mượn này ông Đ (chồng bà P) không biết. Đến năm 2015 ông Đ cần sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên mới phát hiện bà P đã mang thế chấp cho ông M, bà T nên có gửi đơn nhờ Ban ấp Phú Hiệp, xã An Bình, huyện Thoại Sơn can thiệp để yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông M, bà T đã tính vốn, lãi lên đến 73.670.000đ nên ông Đ, bà P không chấp nhận.

Nay ông Đ, bà P yêu cầu ông M, bà T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03050/fH cấp ngày 12/5/1994 cấp cho ông Đ. Riêng việc bà vay tiền thì không đồng ý trả và yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

Bị đơn là ông Lê Công M và bà Phùng Thị Thanh T ủy quyền cho ông Phùng Thanh H trình bày:

Ông H là anh ruột của bà T và anh vợ của ông M. Do hàng xóm và có quan hệ mua bán vật tư nông nghiệp nên có quen biết với ông Đ, bà P. Vào ngày 01/3/2010 bà P có mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03050/fH cấp ngày 12/5/1994 diện tích 2.385m^2 do ông Đ đứng tên để thế chấp vay của ông M, bà T số tiền 20.000.000đ, có làm giấy vay tiền có đầy đủ vợ chồng ký tên nên ông M, bà T đã đưa số tiền theo yêu cầu. Đến ngày 03/11AL/2010 bà P tiếp tục đến hỏi vay thêm 20.000.000đ, tổng cộng là 40.000.000đ. Tuy nhiên từ khi vay đến nay rất nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà P trả vốn, lãi nhưng không thực hiện. Ngoài ra, từ năm 2011 đến năm 2014 ông Đ, bà P có nợ tiền phân bón của ông M, bà T số tiền tổng cộng 27.784.000đ và đến nay vẫn chưa thanh toán.

Nay ông Đ, bà P yêu cầu ông M, bà T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03050/fH cấp ngày 12/5/1994 cấp cho ông Đ thì ông M, bà T cũng đồng ý, tuy nhiên yêu cầu ông Đ, bà P trả lại số tiền 40.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ khi vay đến ngày xét xử có khấu trừ số tiền 4.200.000đ tiền lãi đã trả. Ông M, bà T xin rút yêu cầu về hợp đồng mua bán đối với số tiền phân vốn, lãi là 55.800.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn Đ, bà Trần Thị P. Buộc ông Lý Công M, bà Phùng Thị Thanh T (do ông Phùng Thanh H đại diện) trả lại cho ông

Lương Văn Đ, bà Trần Thị P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03050/fH cấp ngày 12/5/1994 mang tên Lương Văn Đ (bản gốc).

+ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lý Công M, bà Phùng Thị Thanh T (do ông Phùng Thanh H đại diện). Buộc bà Trần Thị P trả cho ông Lý Công M, bà Phùng Thị Thanh T số tiền đã vay vốn, lãi tổng cộng là 67.174.000đ (Sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

+ Đình chỉ yêu cầu của ông Lý Công M, bà Phùng Thị Thanh T đối với việc buộc vợ chồng ông Lương Văn Đ, bà Trần Thị P trả số tiền mua phân thuốc vốn, lãi tổng cộng là 55.800.000đ.

- *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*:

+ Ông Lý Công M, bà Phùng Thị Thanh T phải chịu chung 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Đã nộp tạm ứng phản tố 4.310.000đ theo phiếu thu số 0008946 ngày 15/8/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, An Giang, được khấu trừ nên ông Lê (Lý) Công M, bà Phùng Thị Thanh T được hoàn lại 4.010.000đ.

+ Ông Lương Văn Đ, bà Trần Thị P được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0001293 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, An Giang. Riêng bà Trần Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 11 năm 2018 bà Trần Phi P nộp Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS - ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, bà không đồng ý trả số tiền 40.000.000đ và lãi theo yêu cầu của ông M, bà T.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị P, đề xuất áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị P kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà P theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Đ, bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS - ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, bà P không đồng ý trả số tiền 40.000.000đ và lãi theo yêu cầu của ông M, bà T.

[3] Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lương Văn Đ và Trần Thị P về "đòi tài sản" là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng thẩm quyền nên cần nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Tuy nhiên tại phiên tòa ông M, bà T tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03050/fH ngày 12/5/1994 cho ông Đ, bà P và hai bên không kháng cáo đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại Bản án dân sự sơ thẩm đã xác định bị đơn là ông Lý Công M, sinh năm 1971. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy chứng minh nhân dân, lời trình bày của người được ủy quyền của ông M tại phiên tòa và tại Đơn xin xác nhận ngày 26/01/2009 có xác nhận của UBND thị trấn Núi Sập xác nhận ông Lý Công M, sinh năm 1971 và ông Lê Công M, sinh năm 1973 là một người. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn là ông Lê Công M, sinh năm 1973.

[5] Xét kháng cáo của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 03/11AL/2010 nhằm ngày 08/12/2010 bà P và ông Đ ký kết Tờ mượn tiền do bà P ký tên của bà và ký tên của ông Đ để vay của ông M và bà T số tiền 40.000.000đ và ngày 25/5/2015 bà P đã trả số tiền 4.200.000đ nhưng ông M, bà T không chứng minh được đây là số tiền trả lãi nên sẽ được khấu trừ vào vốn. Ngoài ra, bà P cho rằng đã trả cho ông M, bà T đến ngày 25/7/2016 được 14 tháng mỗi tháng trả số tiền 3.500.000đ nên hiện nay không còn nợ tiền của ông M, bà T nhưng không được ông M, bà T thừa nhận và bà P không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Về lãi suất hai bên thống nhất thỏa T 5%/tháng là cao nên căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi như sau:

- Từ ngày 08/12/2010 đến ngày 25/5/2015 là 04 năm 5 tháng 17 ngày

40.000.000đ x 1,125%/tháng x 04 năm 5 tháng 17 ngày = 24.105.000đ

- Từ ngày 26/5/2015 đến ngày 25/10/2018 là 03 năm 5 tháng

36.000.000đ x 1,125%/tháng x 03 năm 5 tháng = 16.605.000đ

Bà P phải trả cho ông M và bà T số tiền (vốn 36.000.000đ và lãi 40.710.000đ) 76.710.000đ nhưng ông M và bà T không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M và bà T, buộc bà P có nghĩa vụ trả cho ông M, bà T số tiền (vốn 40.000.000đ và lãi là 31.374.000đ) 71.374.000đ có khấu trừ số tiền 4.200.000đ đã trả nên bà P còn phải trả cho ông M,

bà T số tiền 67.174.000đ là đã có lợi cho bà P. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà P không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên án sơ thẩm có nhầm lẫn về họ và năm sinh của ông Lê Công M nên cần sửa bản án về cách tuyên.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Bà P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Thị P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang về cách tuyên.

3. Ông Lê Công M và bà Phùng Thị Thanh T cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Lương Văn Đ và bà Trần Thị P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03050/fH cấp ngày 12/5/1994 cấp cho ông Lương Văn Đ.

4. Bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Lê Công M và bà Phùng Thị Thanh T số tiền (vốn 40.000.000đ và lãi là 27.174.000đ) 67.174.000đ (Sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

5. Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Công M và bà Phùng Thị Thanh T yêu cầu ông Lương Văn Đ và bà Trần Thị P trả số tiền 55.800.000đ.

6. Về án phí:

6.1. Ông Lê Công M (Lý Công M) và bà Phùng Thị Thanh T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 4.310.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0008946 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn nên ông Lê Công M (Lý Công M) và bà Phùng Thị Thanh T còn được nhận lại 4.010.000đ (Bốn triệu không trăm mười nghìn đồng).

6.2. Bà Trần Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Ông Lương Văn Đ và bà Trần Thị P được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

TU/2016/0001293 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán cho bên được thi hành án số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THA-DS huyện Thoại Sơn;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thúy Hà